

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Hồng Gấm;
2. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 97/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1990; thường trú: Ấp S, xã S, huyện C, tỉnh B; tạm trú: 1038/7A, tổ 4, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Thành Đ, sinh năm 1991; thường trú: Ấp S, xã S, huyện C, tỉnh B; tạm trú: 1038/7A, tổ 4, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Thành Đ sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số 01/2014, cấp ngày 15/8/2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thành phố D, tỉnh B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh Đ không có trách nhiệm với gia đình, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị D đã tạo điều kiện cho anh

P nhiều lần đề hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả. Từ năm 2018, chị D và anh Đ đã sống ly thân. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Gia P, sinh ngày 16/01/2015. Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Phạm Thành Đ*: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ để yêu cầu anh Phạm Thành Đ cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 04/8/2020; tham gia phiên tòa vào các ngày 24/8/2020 và ngày 15/9/2020 nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị D và anh Đ do Tòa án tiến hành ngày 26/6/2020, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau*: Chị D và anh Đ trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án, chị D không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố, nhân dân phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D làm đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Phạm Thành Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 24/8/2020 và ngày 15/9/2020 nhưng anh Đ vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Thành Đ tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95 quyền số 01/2014 cấp ngày 15/8/2014 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không thể hòa hợp, anh Đ không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh Đ đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ không có mặt. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân của vợ chồng được.

[4] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Thành Đ có 01 con chung tên Nguyễn Gia P, sinh ngày 16/01/2015. Hiện con chung đang ở cùng với chị D. Chị Nguyễn Thị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phạm Nguyễn Gia P. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Phạm Thành Đ vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con. Trong thời gian trước đây và hiện nay, cháu Phạm Nguyễn Gia P được chị D nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt nên việc giao cháu Phạm Nguyễn Gia P cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Tòa án ghi nhận.

[7] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[8] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều Điều 15, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D với bị đơn anh Phạm Thành Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Phạm Thành Đ.

- Về con chung: Anh Phạm Thành Đ giao con chung Phạm Nguyễn Gia P, sinh ngày 16/01/2015 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị D không yêu cầu anh Phạm Thành Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Thành Đ đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0040485 ngày 19/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (1);
- UBND P, huyện C, tỉnh H (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Hiền**